TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HS-ST
Ngày: 27 - 12 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Minh Tuân

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Khắc Long.

2. Ông Đinh Thanh Hải.

3. Ông Hoàng Minh Đức.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thúy Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 16 tháng 8 năm 1969 tại Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ dân phố Đ, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 02/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị S (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1969, có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo do Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên cử:

Ông Phạm Quốc Ch – Luật sư văn phòng Luật sư ĐV, Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

Bị hại: Anh Lê Đức Th, sinh năm 1971 (đã chết).

Đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1942. (có mặt)
2. Bà Hà Thị Đ1, sinh năm 1949. (có mặt)
3. Chị Vũ Thị H1, sinh năm 1975. (có mặt)
4. Chị Lê Hồng Y1, sinh năm 1997. (có mặt)

Đều trú tại: Tổ dân phố Đ, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

Những người đại diện hợp pháp của bị hại ủy quyền cho chị Vũ Thị H (là vợ anh Th) tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969. (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1980 (có mặt).

3. Chị Vũ Thị Thanh Ng, sinh năm 1983. (có mặt)

Đều trú tại: Tổ dân phố X, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 10 tháng 6 năm 2019, Nguyễn Văn D sinh năm 1969, trú tại Tổ dân phố Đ, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên đang ở nhà thì anh Lê Đức Th, sinh năm 1971, cùng trú tại tổ dân phố Đ đến chơi. Do anh Th và D hay thường xuyên sử dụng rượu nên hai người vừa cùng uống nước nói chuyện và D lấy rượu mời Th cùng uống, được khoảng 30 phút thì anh Th về. Sau đó D cầm 01 con dao, loại dao tông dài tổng thể 45cm, có 01 lưỡi sắc, bản rộng 6,5cm, chuôi bằng kim loại dài 11cm mục đích đi ra ruộng để chặt gốc lạc. Khi D đi đến cổng thì phát hiện anh Th đang nằm ở đó, D cầm tay kéo tay anh Th đứng dậy và nói: *"Đi về đi, sao nằm ở đây làm gì"*. Sau đó hai người du đẩy nhau. Sẵn con dao đang cầm ở tay trái và trong người D lúc này đã sử dụng nhiều rượu nên có phần thiếu kiềm chế, D dùng dao chém liên tiếp 02 nhát từ trên xuống vào vùng đầu của anh Th làm anh Th ngã xuống đất. Tiếp đó D dùng dao chém liên tiếp nhiều nhát vào vùng đầu, cổ, mặt đến khi anh Th bất động thì mới thôi. Hậu quả, anh Th bị tử vong tại chỗ.

Chém anh Th xong, D phát hiện một dao liềm đã gãy phần chuôi nên nhặt mang về và để vào trong bếp nhà D, còn con dao D dùng chém anh Th thì D mang vào nhà để ở Dới gầm bàn uống nước. Thấy áo đang mặc trên người bám dính nhiều máu, D cởi áo (loại áo bay dài tay mầu xanh) mang đi giặt và phơi ở dây phơi phía trước cửa bếp rồi lấy chiếc áo phông cộc tay mầu trắng, kẻ karo để ở thành giường mặc vào người. Khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 là vợ của D đi nhổ lạc ở ngoài ruộng về, phát hiện anh Th nằm ngửa, mặt có nhiều vết máu, bà T hoảng sợ gọi điện cho cháu họ là chị Vũ Thị Thanh Nga, sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố Xộp, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên để thông báo sự việc. Lúc này D vẫn đang ngủ trên giường, bà T gọi và hỏi D *"Có ai vào nhà mình không"*, D trả lời *"Không"* và tiếp tục ngủ, bà T gọi nhiều lần D mới tỉnh dậy.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, Cơ quan Công an và quần chúng nhân dân đưa D đến Công an phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên để làm việc.

Khám nghiệm hiện trường xác định:

+ Tại khu vực ngã ba trước cổng nhà Nguyễn Văn D cách cửa chính 16,1m về phía Đông Nam phát hiện 01 tử thi là nam giới, nằm ngửa, đầu quay hướng Đông Nam, hai chân, hai tay hơi co, tử thi mặc áo công nhân mầu xám, quần dài mầu ghi. Tiến hành di dời tử thi, phía dưới vùng đầu phát hiện dấu vết máu chảy dạng đọng, phun bắn, kích thước: (0,5 x 0,5)m (Vị trí số 01).

+ Cách tử thi 0,7m về phía Đông Bắc phát hiện 01 chiếc cuốc có cán bằng gỗ dài 1,2m, được bọc cao su phần đầu dài 11,5cm, đường kính cán 3,5cm, phần lưỡi cuốc bằng kim loại kích thước (22 x 20)cm; trên cán cuốc, bề mặt hướng vào tử thi có bám dính dấu vết máu (Vị trí số 02).

+ Cách vị trí số 02 về phía Đông Bắc 32cm phát hiện 01 mũ lá, đường kính 40cm, mặt trong, dưới mũ lá có bám dính dấu vết máu (Vị trí số 03).

+ Cách tử thi về phía Đông Bắc 04m, trên lá cây chuối cao cách mặt đất từ 01m đến 1,3m có bám dính dấu vết máu. Cách tử thi về phía Tây Bắc 1,05m trên một số lá cây có bám dính dấu vết máu.

+ Mở rộng hiện trường về phía Tây là nhà của Nguyễn Văn D (nhà chính) gồm có 03 cửa ra vào hướng Nam, đều có kích thước (2,07 x 1,04)m, mỗi cửa có 02 cánh bằng gỗ, có ô kính, mở ra phía ngoài, bên phải nhà chính là bếp (theo hướng nhìn từ trong ra ngoài) có 01 cửa ra vào. Tiếp giáp về phía Nam nhà bếp là khu vực nhà tắm và nhà vệ sinh. Phía trước cửa chính là sân, được lát gạch đỏ, trên sân được phơi thóc, từ nhà chính ra sân có 03 bậc tam cấp.

Xem xét nơi ở của Nguyễn Văn D:

- Nhà của Nguyễn Văn D là nhà cấp 4, có 03 gian thụt, 01 gian thò (Buồng ngủ), nhà có kích thước (06m x 9,4)m, tại chính giữa nhà kê 01 bàn ghế gỗ có mặt kính, kích thước (1,25 x 0,59 x 0,52)m...Trên mặt bàn phát hiện 01 con dao bằng kim loại dài 31cm, 01 lưỡi sắc, bản rộng 4,2cm, chuôi dao bằng kim loại dài 7,6cm. Phía trong bàn có 03 phích nhựa và một số chai lọ bằng nhựa và thủy tinh các loại. Dới gầm bàn, bên trái (Nhìn từ ngoài vào trong) cách cửa ra vào 2,1m phát hiện 01 dao bằng kim loại dài 45cm, 01 lưỡi sắc, bản rộng 6,5cm, chuôi dao bằng kim loại, trên lưỡi dao có bám dính dấu vết mầu nâu nghi máu (Vị trí số 04). Tại góc tường Tây Bắc và Đông Bắc có kê 02 giường ngủ bằng gỗ.

+ Cách vị trí số 04 về phía Đông 17cm, cách cửa ra vào 1,95cm phát hiện 01 dao bằng kim loại dài 42,5cm, có 01 lưỡi sắc, bản rộng 6,4cm, phần chuôi bằng gỗ dài 12,3cm (Vị trí số 05).

+ Ngoài sân có dây phơi quần áo bằng kim loại được nối từ đầu gian bếp đến buồng ngủ nhà chính, dây phơi cao cách mặt sân 1,9m. Trên dây phơi phía gần gian bếp có treo một số bộ quần áo, trong đó trên chiếc áo xanh phơi ngoài cùng (Hướng nhìn từ ngoài vào trong gian nhà bếp) có bám dính dấu vết mầu nâu (Vị trí số 06).

+ Tại tường khu nhà tắm, nhà vệ sinh, phía ngoài có 01 vòi nước mầu xanh, cao cách nền 44cm, trên vòi nước có treo 02 giẻ rửa bát dạng lưới mầu vàng nhạt, trên có bám dính dấu vết mầu nâu (Vị trí số 07).

+ Tại nền sân nhà vệ sinh, nhà tắm, cách cửa nhà tắm 25cm, cách tường phía Tây 13cm khu vực dưới vòi nước phát hiện dấu vết mầu nâu (Vị trí số 08).

Xem xét gian bếp:

+ Cách mép cửa bên phải (Nhìn từ ngoài vào trong gian nhà bếp) về phía Tây 20cm, phát hiện 01 ống kim loại mầu xanh dài 33,3cm, đường kính 2,3cm, 01 đầu được bọc nhựa mầu đen dài 9,2cm, đầu còn lại có vết gãy nham nhở, móp méo (Vị trí số 09).

+ Cách vị trí số 09 về phía Bắc 16cm phát hiện 01 lưỡi kim loại (Dạng lưỡi liềm), có 01 lưỡi sắc, phần lưỡi có đầu nhọn, lưỡi bản rộng nhất 04cm; phần chuôi bằng kim loại dạng trụ tròn dài 5,2cm, đường kính 2,3cm. Trên lưỡi có bám dính dấu vết mầu nâu (Vị trí số 10).

Dấu vết tài liệu thu giữ được: Dấu vết máu thu giữ tại vị trí số 01; Cuốc tại vị trí số 02; Mũ lá tại vị trí 03; Dao tại vị trí 04, 05; Áo tại vị trí số 06; Giẻ rửa bát tại vị trí 07; Dấu vết tại vị trí 08; Ống kim loại tại vị trí số 09; Lưỡi kim loại tại vị trí số 10.

Kết quả khám nghiệm tử thi Lê Đức Th:

- *Khám bên ngoài:* Tử thi mặc áo công nhân màu xám, quần dài mầu ghi, bên trong mặc quần đùi mầu xanh. Chiều dài tử thi 1,5m, gầy. Tình trạng tử thi co cứng.

- *Các dấu vết tổn thương trên cơ thể:*

+ Vùng đầu, tóc, cổ, vai bám dính nhiều dấu vết máu.

+ Vùng trán phải, cách trên cung lông mày phải 3cm, có vết rách thủng da cơ, bờ mép sắc gọn, kích thước (8,5 x 2,0)cm (Vết số 01).

+ Vùng đuôi cung lông mày phải có vết rách da cơ, bờ mép sắc gọn, kích thước (5 x 1)cm (Vết số 02).

+ Vùng dưới đuôi cung lông mày phải có vết rách da cơ, bờ mép sắc gọn, kích thước (3 x 1)cm (Vết số 03).

+ Vùng mi dưới mắt phải có vết rách da cơ, bờ mép sắc gọn, kích thước (5 x 1)cm (Vết số 04).

+ Từ vị trí vùng cánh mũi phải đến gò má phải có vết rách thủng da cơ, bờ mép sắc gọn, kích thước (11 x 2)cm (Vết số 05).

+ Vùng môi trên có vết rách da cơ, bờ mép sắc gọn, kích thước (9 x 1)cm (Vết số 06).

+ Từ vị trí mép phải sang dưới gốc tai phải, có vết rách da cơ, bờ mép sắc gọn, kích thước (8,5 x 1,5)cm (Vết số 07).

+ Vùng dưới cằm bên trái có vết rách da cơ, bờ mép sắc gọn, kích thước (3,5 x 1,0)cm (Vết số 08).

+ Vùng cổ trước có vết rách da cơ, bờ mép sắc gọn, kích thước (17 x 5)cm (Vết số 09).

+ Đầu đốt số 3, ngón thứ 3 bàn tay phải bị rách đứt da cơ, kích thước (3,5 x 2,5)cm (Vết số 10).

- *Mổ tử thi:*

+ Vỡ xương trán bên phải, lộ tổ chức não.

+ Đứt bó mạch cảnh trái và phải.

+ Đứt khí quản và thực quản.

+ Trong dạ dày có dịch tiêu hóa.

- *Các mẫu thu giám định:*

+ Thu mẫu máu và dịch dạ dày tử thi.

Các bản kết luận giám định:

- Tại bản kết luận giám định Pháp y tử thi số: 1010/KL-KTHS, ngày 09/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận:

+ *Dấu hiệu chính qua giám định:* Nhiều vết thương vùng đầu, mặt, cổ có bờ mép sắc gọn, vỡ xương trán, lộ tổ chức não. Đứt bó mạch cảnh phải và trái, đứt khí quản và thực quản.

+ *Nguyên nhân chết:* Lê Đức Th, sinh năm: 1971, nơi đăng ký HKTT: TDP Đông, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên bị nhiều vết thương vùng đầu, mặt, cổ gây vỡ xương trán, đứt bó mạch cảnh hai bên, đứt khí quản và thực quản, mất máu tối cấp, suy tuần hoàn cấp, suy hô hấp cấp dẫn đến chết.

** Kết luận giám định về dấu vết:*

- Tại Bản kết luận giám định số: 3315/C09(TT3), ngày 23/7/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

+ Trên chiếc áo phông ghi thu của Nguyễn Văn D (ký hiệu D1) có dính máu người và là máu của một người nam giới, không phải là máu của Nguyễn Văn D và tử thi Lê Đức Th.

+ Trên con dao (ký hiệu D2) có dính máu người và là máu của tử thi Lê Đức Th.

+ Dấu vết ghi thu tại lòng bàn tay phải của Nguyễn Văn D (ký hiệu D4) là máu người và là máu của tử thi Lê Đức Th.

- Tại Bản kết luận giám định số: 4744/C09(TT3), ngày 30/9/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

+ Các dấu vết trên chiếc lưỡi liềm (ký hiệu B1), chiếc quần dài tối mầu (ký hiệu D2), đôi dép nhựa (ký hiệu D3) và các dấu vết ghi thu tại các ngón bàn chân phải của Nguyễn Văn D (ký hiệu D5), tại bàn chân trái của Nguyễn Văn D (ký hiệu D6) đều là máu người. So sánh kiểu gen phân tích được từ các dấu vết máu người này với kiểu gen của Nguyễn Văn D, tử thi Lê Đức Th (mẫu vật đã được gửi giám định theo Quyết định trưng cầu giám định số: 130/HS, ngày 13/6/2019 của Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Thái Nguyên và đã được trả lời trong Kết luận giám định số: 3315/C09(TT3), ngày 23/7/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an) cho thấy: *Các dấu vết máu người này đều là của tử thi Lê Đức Th.*

+ Dấu vết ghi thu tại vành tai phải của Nguyễn Văn D (ký hiệu D7) là máu người. So sánh kiểu gen phân tích được từ các dấu vết máu người này với kiểu gen của Nguyễn Văn D, tử thi Lê Đức Th (mẫu vật đã được gửi giám định theo Quyết định trưng cầu giám định số: 130/HS, ngày 13/6/2019 của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Thái Nguyên và đã được trả lời trong Kết luận giám định số: 3315/C09(TT3), ngày 23/7/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an) cho thấy: Dấu vết máu người này là của Nguyễn Văn D.

- Tại Bản kết luận giám định số: 3328/C09(P3), ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

+ Trên 1 con dao Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thái Nguyên gửi đến giám định phát hiện thấy một số dấu vết đường vân. Các dấu vết này mờ nhòe, không đủ yếu tố giám định.

** Kết luận giám định về độc chất:*

- Tại Bản kết luận giám định Pháp hóa số: 326/292/376-377-378/19/HP, ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Viện Pháp y quốc gia kết luận:

+ Trong mẫu máu mang tên Nguyễn Văn D, sinh năm: 1969 do Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Thái Nguyên gửi tới giám định ngày 13/6/2019 có tìm thấy Ethanol với hàm lượng 378,49mg/100ml máu.

+ Trong mẫu máu và nước tiểu mang tên Nguyễn Văn D, sinh năm: 1969 do Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Thái Nguyên gửi tới giám định ngày 13/6/2019 không tìm thấy các chất ma túy.

+ Trong mẫu dịch dạ dày mang tên Lê Đức Th, sinh năm: 1971 do Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Thái Nguyên gửi tới giám định ngày 13/6/2019 không tìm thấy độc chất.

** Kết luận giám định về tâm thần:* Tại bản kết luận giám định Pháp y tâm thần số: 367/KLGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2019 của Viện Pháp y tâm thần trung ương kết luận: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Nguyễn Văn D bị mắc bệnh rối loạn nhân cách và hành vi do sử dụng rượu. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F10.71. Tại các thời điểm trên bị can đủ khả năng nhận thức, hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Về dân sự: Chị Vũ Thị Hương là người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu Nguyễn Văn D phải bồi thường tổng số tiền là: 192.400.000đ gồm các khoản: Tiền mai táng phí: 52.400.000đ; tiền tổn thất về tinh thần: 140.000.000đ. Gia đình bị cáo D đã tự nguyện bồi thường cho gia đình chị Hương số tiền 10.000.000đ; chị Hương yêu cầu Nguyễn Văn D bồi thường tiếp số tiền còn lại là: 182.400.000đ.

Tại bản cáo trạng số 73/CT - VKS - P2, ngày 30/11/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Văn D về tội "Giết người", theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận

hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phần luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Giết người";

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 14 đến 15 năm tù;

* Bồi thường dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại (chị Vũ Thị Hương) số tiền bồi thường các khoản tiền sau:

- Khoản tiền mai táng phí: 52.400.000đ;

- Bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 140.000.000đ.

Tổng cộng là: 192.400.000đ.

- Gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền: 10.000.000đ; bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền: 182.400.000đ.

* Vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng của vụ án và các mẫu hoàn lại sau giám định.

(tình trạng, số lượng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số 16, ngày 02/12/2019 giữa Công an tỉnh Thái Nguyên với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên).

* Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo xác định việc truy tố, xét xử bị cáo về tội: "Giết người", theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do bị cáo bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi của mình, bị cáo mới học hết lớp 2 nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, ngoài ra, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã khai nhận thành khẩn hành vi phạm tội của mình, đã tác động để gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình người bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì vậy đề nghị cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và cho bị cáo được hưởng mức án 13 năm tù, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm. Phần bồi thường đề nghị xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo để xem xét mức bồi thường theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Về cơ bản Luật sư nhất trí với Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, về hình phạt thì Viện kiểm sát đã căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân phạm tội để đề nghị mức án đối với bị cáo, do vậy Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm về mức hình phạt, về phần bồi thường đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với đại diện hợp pháp của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Khoảng 16 giờ ngày 10 tháng 6 năm 2019, Nguyễn Văn D sinh năm 1969, trú tại Tổ dân phố Đ, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên đang ở nhà thì anh Lê Đức Th, sinh năm 1971, cùng trú tại tổ dân phố Đông đến chơi. Do D hay thường xuyên sử dụng rượu nên D lấy rượu mời Th cùng uống, được khoảng 30 phút thì anh Th về. Sau đó D cầm 01 con dao, loại dao tông dài tổng thể 45cm, có 01 lưỡi sắc, bản rộng 6,5cm, chuôi bằng kim loại dài 11cm mục đích đi ra ruộng để chặt gốc lạc. Khi D đi ra đến cổng thì phát hiện anh Th đang nằm ở đó, D kéo tay anh Th dậy để anh Th đi về nhà nhưng anh Th không về, sau đó hai người du đẩy, giằng co nhau. Do lúc này D đã sử dụng nhiều rượu, bức xúc vì Th không nghe theo mình và do thiếu kiềm chế nên D đã sử dụng dao mang theo và dùng tay trái chém 02 nhát vào vùng đầu của anh Th làm anh Th ngã xuống đất, tiếp đó D dùng dao chém nhiều nhát vào vùng đầu, cổ, mặt của anh Th, khi thấy anh Th nằm bất động thì bị cáo dừng lại và đi về nhà. Hậu quả anh Th tử vong tại chỗ.

Với hành vi nêu trên, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo về tội: "Giết người" theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều 123 Bộ luật hình sự:

"1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a)…

n). Có tính chất côn đồ".

[3]. Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền được sống của người khác

một cách trái pháp luật. Hành vi của bị cáo đã gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải đã tác động để gia đình bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho gia đình người bị hại, tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bản thân bị cáo là người bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi của mình (theo kết luận của Cơ quan chuyên môn), vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về Điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

[5]. Về bồi thường dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ chi phí mai táng phí với số tiền là: 52.400.000đ; bồi thường tổn thất tinh thần tương ứng số tiền 140.000.000đ. Tổng cộng là: 192.400.000đ. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường các khoản tiền theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại. Sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo với đại diện hợp pháp của bị hại là tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận nêu trên. Do bị cáo chưa bồi thường ngay nên cần căn cứ các quy định của pháp luật để đảm bảo cho việc bồi thường, cụ thể như sau:

Bồi thường chi phí mai táng phí số tiền 52.400.000đ; Bồi thường tổn thất tinh thần tương ứng số tiền: 140.000.000đ. Tổng cộng là: 192.400.000đ.

Gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 10.000.000đ; bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 182.400.000đ.

Đối với số tiền 10.000.000đ do bà Nguyễn Thị T (là vợ bị cáo) bỏ ra để bồi thường thay cho bị cáo, tại phiên tòa bà T không yêu cầu bị cáo hoàn trả nên không xem xét.

[6]. Vật chứng vụ án: Vật chứng là công cụ pham tội, các vật chứng liên quan và các mẫu hoàn lại sau giám định không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Trong vụ án này, quá trình điều tra còn phát hiện trên chiếc áo phông thu giữ của Nguyễn Văn D có dính bám chất màu nâu vàng nghi máu được giám định xác định là máu của một người nam giới không phải của D và anh Th. Do chiếc áo này D mặc nhiều ngày không giặt, nên sau khi chém anh Th thì D tiếp tục mặc lại chiếc áo và đi ngủ. Vì vậy Cơ quan điều tra xác định không liên quan đến vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Giết người".

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 14 (mười bốn) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2019.

Căn cứ vào Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn D 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Bồi thường dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 591, 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải bồi thường cho gia đình anh Lê Đức Th, người nhận là chị Vũ Thị H các khoản tiền như sau:

- Khoản tiền mai táng phí: 52.400.000đ; Bồi thường tổn thất tinh thần số tiền: 140.000.000đ. Tổng cộng là: 192.400.000đ.

Bị cáo đã bồi thường số tiền: 10.000.000đ; bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền **182.400.000đ** (một trăm tám mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 niêm phong dấu vết máu thu giữ tại vị trí số (01) tại hiện trường;

+ 01 cuốc có cán bằng gỗ bọc cao su dài 11,5cm, cả cán dài 1,2m, đường kính cán 3,5cm, phần lưỡi cuốc bằng kim loại kích thước: (22x20)cm, trên cán cuốc, bề mặt hướng vào tử thi có bám dính dấu vết máu (vị trí số 02);

+ 01 mũ lá đường kính 40cm, mặt trong, Dới mũ lá có bám dính dấu vết máu, thu giữ tại vị trí số (03) tại hiện trường;

+ 01 con dao bằng kim loại dài 31cm, 01 lưỡi sắc, bản rộng 4,2cm, chuôi dao bằng kim loại dài 7,6cm, thu giữ tại vị trí số (04) tại hiện trường;

+ 01 con dao dài 42,5cm, có 01 lưỡi sắc, bản rộng 6,4cm, phần chuôi bằng gỗ dài 12,3cm, thu giữ tại vị trí số (05) tại hiện trường;

+ 01 bì niêm phong chiếc áo mầu xanh, thu giữ tại vị trí số (06) tại hiện trường;

+ 01 niêm phong giẻ rửa bát dạng lưới mầu vàng nhạt, trên có bám dính dấu vết mầu nâu, thu giữ tại vị trí số (07) tại hiện trường;

+ 01 niêm phong dấu vết mầu nâu nghi máu, thu giữ tại vị trí số (08) tại hiện trường;

+ 01 niêm phong ống nhựa kim loại mầu xanh dài 33,3cm, đường kính 2,3cm, 01 đầu được bọc nhựa mầu đen dài 9,2cm, đầu còn lại có vết gãy nham nhở, móp méo, thu giữ tại vị trí số (09) tại hiện trường;

+ 01 hộp niêm phong có hình dấu giáp lai của Viện khoa học hình sự: Là mẫu vật hoàn trả sau giám định theo bản Kết luận giám định số 3315/C09(TT3), ngày 23/7/2019 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, bên trong có phần còn lại sau giám định của mẫu bao gồm: 01 chiếc áo phông ký hiệu: D1; 01 con dao ký hiệu: D2; Dấu vết thu tại lòng bàn tay phải của Nguyễn Văn D, ký hiệu: D4; và các dấu vết máu ghi thu của Nguyễn Văn D ký hiệu: D9, tử thi Lê Đức Th ký hiệu: M1.

+ 01 gói niêm phong có hình dấu giáp lai của Viện khoa học hình sự: Là mẫu vật hoàn trả sau giám định theo bản kết luận giám định số 4744/C09(TT3), ngày 30/9/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, bên trong có phần còn lại sau giám định của các mẫu vật bao gồm: 01 lưỡi liềm (ký hiệu B1); 01 chiếc quần dài tối mầu (ký hiệu: D2); 01 đôi dép nhựa (ký hiệu D3) và các dấu vết ghi thu tại các ngón bàn chân phải của Nguyễn Văn D (ký hiệu D5); tại bàn chân trái của Nguyễn Văn D (ký hiệu D6), tại vành tai phải của Nguyễn Văn D (ký hiệu D7).

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 16, ngày 02 tháng 12 năm 2019 giữa Công an tỉnh Thái Nguyên với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 9.120.000đ (chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC; TANDCC; Sở tư pháp;
- VKSNDCC; VKSND tỉnh TN;
- Công an tỉnh TN; Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Đặng Minh Tuân